



**NGHI LỄ CỜ XIN  
CỦA NGƯỜI VIỆT (KINH)  
LÀNG BẠCH TRŨ, XÃ TIẾN THẮNG,  
HUYỆN MÊ LINH, TỈNH VINH PHÚC**

LÊ THỊ HỒNG

### 1. Lời mở đầu

Người Việt (Kinh) là dân tộc chủ thể trong đại gia đình các tộc người ở Việt Nam. Theo số liệu điều tra năm 1999 của Tổng cục Thống kê, người Việt có 65.795.718 người, cư trú chủ yếu ở vùng châu thổ, trung du và một phần miền núi Việt Nam.

Người Việt (Kinh) là đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học xã hội, trong đó có dân tộc học. Cho đến nay, đã có hàng trăm cuốn sách, hàng nghìn bài báo, tạp chí d-ới nhiều góc độ khác nhau đề cập đến hầu hết mọi lĩnh vực trong đời sống của người Việt (Kinh).

Trong bối cảnh nghiên cứu đó, việc tìm hiểu về nghi lễ c-ới xin đã đ-ợc ghi chép lại từ khá sớm, tuy ch- a nhiều, ch- a hệ thống và ch- a đầy đủ trong những cuốn: *Kiến Văn tiểu lục* (Lê Quý Đôn), *An Nam chí lược* (Lê Trắc). Những ghi chép về nghi lễ hôn nhân của người Việt sớm hơn cả có lẽ phải kể đến cuốn *Thọ Mai gia lễ* (thời Lê Dụ Tông), *Hồ Th-ợng th- gia lễ* (thời Lê Thần Tông).

Sang thập kỷ đầu của thế kỷ XX, mô tả về nghi lễ hôn nhân của người Việt có *An Nam phong tục sách* (Đoàn Triển, 1908), *Việt Nam phong tục* (Phan Kế Bính, 1990). Trong những năm 60 của thế kỷ XX xuất hiện một loạt các công trình ghi chép về nghi lễ và nghi lễ hôn

nhân của người Việt (Kinh), trong đó phải kể đến: *Nếp cũ* (Toan Anh, 1992), *Đất lề quê thói* (Nhất Thanh, 2001). Sau những năm 60 của thế kỷ này, các sách chuyên khảo về nghi lễ hôn nhân của người Việt (Kinh) khá hiếm. Trong đó, cuốn *Xã thôn Việt Nam* (Nguyễn Hồng Phong, 1959) chỉ nhắc đến một cách khá khiêm tốn và sơ l-ợc về tình hình văn hóa xã hội nói chung. Nh-ng đáng chú ý hơn cả là một luận văn tốt nghiệp khoa Sử của tr-ờng Đại học Tổng hợp Hà Nội, với đề tài: *Khảo sát tục lệ c-ới xin của người Việt ở một vài làng thuộc Hoàng Yên và Hà Bắc* (Vũ Nh- Khôi, 1966). Trong công trình này, tác giả đã đề cập đến tính chất và sự biến đổi của nghi lễ hôn nhân tr-ớc và sau Cách mạng (dẫn theo Nguyễn Thị Ph-ong Châm, 2006, tr. 22).

Trong khoảng ba thập kỷ gần đây, ghi chép, hồi t-ợng lại hôn lễ cổ truyền của người Việt (Kinh), phổ biến với những công trình nh-: *Phong tục c-ới gả Việt Nam* (Hà Văn Cầu, 1992); *Tục lệ c-ới gả, tang ma của người Việt xưa* (Phan Thuận Thảo, 1993); *Đặc điểm gia đình đồng bằng sông Hồng* (Mai Huy Bích, 1993); *Hôn lễ xưa và nay* (Lê Nh- Hoa, 1998); *C-ới hỏi ngày nay* (Viện Văn hoá dân gian, 1999); *Nghi lễ vòng đời người* (Lê Trung Vũ (chủ biên), 2000); *Lễ tục vòng đời* (Phạm Minh Thảo, 2000); *C-ới và d- luận xã hội về c-ới hiện*

nay (Lê Ngọc Văn, 2000); *Ng-ời Việt ở đồng bằng Bắc Bộ* (Diệp Đình Hoa, 2000); *Lễ tục trong gia đình ng-ời Việt* (Bùi Xuân Mỹ, 2001); *Việt Nam phong tục* (Phan Kế Bính, 2001); *Phong tục Việt Nam* (Toan -nh, 2002); *Nghi lễ c-ới hỏi, tang chế Việt Nam* (Phạm Côn Sơn, 2003); *Tìm hiểu nghi lễ c-ới hỏi, thờ cúng trong dân gian* (Hà Hoài Dung, 2005); *Dựng vợ, gả chồng* (Phạm Côn Sơn, 2005); và gần đây nhất có cuốn: *Tục c-ới hỏi ở Việt Nam* (Bùi Xuân Mỹ - Phạm Minh Thảo, 2006).

Ngoài ra, còn có các nghiên cứu chuyên biệt hơn về nghi lễ hôn nhân là các luận văn, công trình thuộc các chuyên ngành đào tạo lịch sử, văn hóa, xã hội học nh- : *Tục lễ c-ới xin của ng-ời Việt ở xã Mễ Trì, huyện Từ Liêm* (Nguyễn Ngọc Tùng, 1984); *Gia đình và hôn nhân của ng-ời Việt ở làng Duyên Thọ, Giao Nhân, Giao Thủy, Nam Định* (Châu Thu Tâm, 1984); *Các mô hình hôn nhân ở đồng bằng sông Hồng từ truyền thống đến hiện đại* (Khuất Thu Hồng, 1996); *Các tục lệ hôn nhân của ng-ời Kinh ở xã Xuân Đỉnh, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội và sự biến đổi của nó* (Lee Mee Sun, 2000; dẫn theo Nguyễn Thị Ph-ơng Châm, 2006, tr. 25).

Nguồn t- liệu vô cùng quý giá này đã góp phần giúp ng-ời đọc hiểu đ-ợc những sắc thái văn hoá, đặc biệt là các nghi lễ trong hôn nhân truyền thống của ng-ời Việt (Kinh) x- a. Trong bối cảnh vận động và biến đổi các lĩnh vực văn hoá tinh thần nh- : sinh đẻ, c-ới xin, tang ma... của ng-ời Việt (Kinh) ở mỗi vùng, mỗi địa ph-ơng đều có đặc tr-ng riêng. Tuy nhiên, các lĩnh vực văn hoá đó cũng có sự giao thoa và tiếp nhận văn hoá của các nền văn hóa khác hay nền văn hóa của cùng tộc ng-ời ở những mức độ khác nhau. Do đó, việc tìm hiểu bản sắc văn hoá ở từng vùng, từng địa

ph-ơng cụ thể để thấy đ-ợc đặc tr-ng văn hoá của vùng đó là một việc làm cần thiết trong công cuộc gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc.

Bạch Trữ, một làng Việt cổ, thuộc xã Tiến Thắng, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc, cách Hà Nội chừng 25 km về phía Tây Bắc. Làng có diện tích tự nhiên khoảng 2km<sup>2</sup>, trong đó 862.700 mẫu là đất canh tác và trên 70 mẫu thuộc đất thổ c-. Vào năm 1999 làng Bạch Trữ có 1.105 hộ và 5.619 ng-ời, phân bố ở 8 xóm gồm: Dọ, N-ờng, Mối, Chuối, Gáo, Trì, Ngòi và Soi.

Trải qua nhiều biến đổi theo thời gian, làng Bạch Trữ hiện vẫn giữ đ-ợc nhiều nét văn hoá truyền thống, đặc biệt là các nghi lễ trong gia đình. Trong bài viết này tôi giới thiệu về nghi lễ c-ới xin của ng-ời Việt (Kinh) ở làng Bạch Trữ.

## 2. Quan niệm về hôn nhân và tuổi kết hôn của ng-ời dân làng Bạch Trữ

Tr-ớc đây, trai gái làng Bạch Trữ th-ờng kết hôn trong phạm vi làng, rất hiếm khi lấy ng-ời làng khác. Ng-ời dân ở đây vẫn l-u truyền câu: “*Trâu ta ăn cỏ đồng ta, tuy rằng nó xấu nh-ng mà nó ngon, ăn cỏ đồng ng-ời nó tốt nh-ng mà nó hôi*”. Những ng-ời phụ nữ có tính lẳng lơ, vô duyên gặp ai cũng đùa cợt, những ng-ời bị dân làng chê bai hay khinh rẻ... mới phải lấy ng-ời làng khác. Tuy vậy, hiện nay thanh niên trong làng th-ờng đi làm ăn xa; do đó, việc kết hôn với ng-ời ngoài làng không còn là chuyện hiếm.

Tiêu chí quan trọng đầu tiên khi chọn vợ kén dâu phải là những cô gái khoẻ mạnh, ngoan ngoãn, nết na, nhanh miệng, ăn nói rõ ràng, chăm chỉ và khéo léo trong công việc, không bị bệnh tật, nhất là các bệnh di truyền trong gia đình và họ tộc. Do đó, khi tìm vợ cho con trai, các bậc cha mẹ không chỉ để ý quan sát các cô gái trong làng thông qua

công việc đồng áng, cách sinh hoạt hàng ngày của cô và gia đình để tìm đ-ợc cô gái -ng ý, mà sau khi đã -óm đ-ợc cô nào, họ còn phải thông qua họ hàng, làng xóm và bạn bè của cô để tìm hiểu kỹ càng tr-ớc khi quyết định cho con trai mình kết hôn.

Cũng theo phong tục x-a, khi tìm vợ cho con, phía nhà trai th-ờng chọn gia đình có điều kiện kinh tế và địa vị xã hội t-ơng đ-ơng với gia đình nhà mình, gọi là “*Kết hôn môn đ-ương hộ đ-ối*”. Bởi nh- thế, cả hai gia đình sẽ dễ ăn nói, hiểu và thông cảm cho nhau hơn. Thực tế ở làng Bạch Trữ đã có tr-ờng hợp tuy đã tổ chức lễ ăn hỏi, nh-ng vì nhà trai nghèo, không đủ kinh phí để tổ chức đám c-ới và đáp ứng những yêu cầu về vật chất quá lớn của nhà gái nên nhà trai xin phép nhà gái từ hôn.

Thông th-ờng, ng-ời con trai muốn lấy cô gái đẹp làm vợ. Tuy nhiên, th-ờng chỉ con trai của những gia đình giàu có, địa vị cao trong xã hội, ng-ời có tài võ nghệ hay học hành đỗ đạt mới lấy đ-ợc vợ đẹp. Mặc dù vậy, đẹp ng-ời ch-a hẳn đã đ-ợc các bậc cha mẹ, nhất là các cụ già quan tâm. Theo họ, quan trọng hơn phải là đẹp nết. Để răn dạy các chàng trai lấy vợ chỉ vì ham mê vẻ đẹp bề ngoài, các cụ th-ờng nói: “*Vợ xấu có gạo nuôi chồng, vợ đẹp nh- rông để chồng chết đói*”, hàm ý chê bai những cô gái đẹp nh-ng l-ời biếng để chồng con đói khổ, đề cao sự chăm chỉ cần kiệm chăm lo cho gia đình của ng-ời vợ.

Đối với những tr-ờng hợp ng-ời con gái không chồng mà có con, tuy lệ làng không có quy định xử phạt, nh-ng bản thân cô gái và gia đình cảm thấy rất xấu hổ và tủ nhục tr-ớc sự dị nghị, bàn tán và chê bai của dân làng. Bạch Trữ là làng còn giữ đ-ợc nhiều nét văn hoá truyền thống và t- t-ởng

Nho gia còn ảnh h-ởng khá mạnh mẽ trong đời sống xã hội. Do đó, tr-ờng hợp chửa hoang, có thai tr-ớc khi c-ới rất hiếm khi xảy ra, nhất là trong thời gian tr-ớc đây.

Từ x-a đến nay, trai gái làng Bạch Trữ th-ờng kết hôn khá sớm. Tr-ớc kia, con gái đến tuổi 15 - 17, cha mẹ đã phải tính chuyện gả chồng, muộn màng cũng chỉ ở tuổi 18 - 19. Những ng-ời ngoài 20 đã bị coi là “*thừa tuổi*” hay “*quá lứa lỡ thì*”, không chỉ bản thân cô gái mà cả gia đình sẽ phải nhận những lời đàm tiếu của dân làng vì “*vô duyên, vô phúc*”, và cơ hội có ng-ời đến hỏi cô làm vợ sẽ rất hiếm hoi. Phần lớn những cô gái kém may mắn, ở độ tuổi xấp xỉ 30 th-ờng phải đi làm vợ lẽ cho những ng-ời đàn ông goá vợ hoặc ng-ời vợ cả của anh ta không có khả năng sinh đẻ hay chỉ sinh con một bề... Vì vậy, các cụ x-a th-ờng răn rằng: “*nồi tròn thì úp vung tròn, Nồi méo thì úp vung con cũng vừa*”, để nhắc nhở con cháu đừng kén cá chọn canh, đứng núi này trông núi nọ, mà phải biết chọn cho mình ng-ời chồng phù hợp với điều kiện của bản thân và gia đình, đừng mơ mộng quá kéo lỡ duyên thì không chỉ khổ mình mà còn lây sang cả gia đình và họ hàng.

Đối với con trai, cũng ở lứa tuổi 15 - 17, đã đ-ợc các bậc cha mẹ tính chuyện tìm vợ cho. Vì vậy, có tr-ờng hợp khi kết hôn chú rể vẫn đang ngồi trên ghé nhà tr-ờng. Các nàng dâu ngoài công việc nhà và đồng áng, còn phải nấu cơm b-ng, n-ớc phục vụ cho chồng ăn học.

Theo quan niệm dân gian, nếu hai ng-ời kết hôn mà có tuổi “*Gái hơn 2, trai hơn 1*” đ-ợc coi là may mắn; cuộc sống vợ chồng sau này chắc chắn sẽ đ-ợc hạnh phúc. Những cặp có cùng tuổi sẽ rất giàu sang và nhân hạ, vì quan niệm “*Vợ chồng cùng tuổi nằm dưới mà ăn*”.

### 3. Nghi lễ c<sup>o</sup>ối xin của ng<sup>o</sup>ời Việt (Kinh) ở làng Bạch Trữ: truyền thống và biến đổi

#### 3.1. Lễ dạm hỏi

Cũng nh- nhiều làng quê khác ở n- ớc ta, việc dựng vợ gả chồng cho con ở làng Bạch Trữ x- a kia đều do cha mẹ quyết định - “Cha mẹ đặt dâu con ngồi đó”. Theo phong tục, cha mẹ tìm hiểu và chọn tr- ớc cho con một cô gái trong làng. Sau đó, họ nhờ một ng- ời đàn ông trong họ làm ông mối đến nhà cô gái - ỏm hỏi. Nếu nhà gái đồng ý thì mới cho con trai biết tin. Ông mối th- ờng là ng- ời chú hay ng- ời bác trong nội tộc, hội tụ t- ong đối đầy đủ các điều kiện nh- : vợ chồng khỏe mạnh, có cả con trai lẫn con gái, gia đình yên ấm, có uy tín trong làng, trong nhà có nhiều ng- ời học hành đỗ đạt và kinh tế khá giả càng tốt. Tr- ớc khi đến dạm ngõ, ng- ời ta phải chọn ngày tốt, tức ngày âm d- ơng bất t- ơng thì vợ chồng sau này sống với nhau mới hoà thuận, hạnh phúc.

Lần đầu tiên ông mối đến nhà cô gái, do đây mới chỉ là cuộc thăm hỏi xã giao và quan sát gia cảnh nhà cô, ch- a đề cập đến chuyện của đôi trai gái, nên không cần mang theo bất cứ lễ vật gì. Sau cuộc viếng thăm, ông mối thông báo nội dung câu chuyện và những nhận xét của mình về gia đình nhà cô gái. Lúc này nếu bố mẹ quyết định lựa chọn cô ta làm dâu thì mới cho ng- ời con trai biết và xem anh ta có đồng ý hay không. Nếu chàng trai đồng ý, ông mối sẽ sang nhà cô gái chính thức đặt vấn đề với bố mẹ cô ta, gọi là làm lễ dạm hỏi hay dạm ngõ. Mục đích là để xem phía nhà gái có đồng ý gả con không để nhà trai chuẩn bị.

Nếu từ chối, bố mẹ cô gái sẽ không nói ra một cách sõ sàng, mà lựa lời bóng gió để nhà trai biết đi tìm đám khác cho

con và cũng không oán trách nhà gái đã kh- ớc từ chuyện hôn nhân. Biết đ- ợc ý nhà gái, nhà trai cũng không coi chuyện bị chối từ làm nặng nề, vì từ x- a các cụ đã có câu: “Con trai nh<sup>o</sup> cái nơm, úp chỗ này không đ<sup>o</sup>ợc cá thì úp chỗ khác”. Tr- ờng hợp nhà gái - ng thuận, bố mẹ cô gái cũng sẽ không tỏ thái độ vô vậ, vì e rằng phía nhà trai có những đánh giá không hay về gia đình và bản thân cô gái. Do đó, họ th- ờng khéo léo trả lời để nhà trai hiểu ý mình, kiểu nh- : “Vâng cảm ơn ông, để chúng tôi còn bảo cháu xem ý nó thế nào”.

Khi nhà gái trả lời nh- vậy, nhà trai hiểu ý và tự chọn ngày lành tháng tốt tiếp tục sang nhà gái th- a chuyện. Lần này, do đã biết chắc chắn sẽ nhận đ- ợc câu trả lời đồng ý, nên khi đi, nhà trai mang theo 5 bao thuốc, 1 lạng chè khô và 20 quả cau t- oi, cũng có nơi nhà trai mang một cối trầu tèm cánh ph- ợng, cau bỏ t- bẻ cánh tiên; nhà giàu thì đ- a lễ cả buồng cau, m- ời mớ trầu, mứt sen, trà lạng đựng trong mấy quả sơn son thiếp vàng (Bùi Xuân Mỹ, 2001, tr. 42), vừa chính thức đặt vấn đề hôn nhân giữa hai nhà vừa thông báo cho làng xóm biết cô gái đã có nơi có chốn, tránh tình trạng ng- ời khác đến hỏi làm vợ và cũng để dân làng giám sát cô gái. Các cụ x- a th- ờng nói: “Có chồng nh<sup>o</sup> chỉ quán chân, bạn xa cũng bỏ bạn gần chó chơi”, nghĩa là khi cô gái đã có ng- ời đến dạm hỏi và cô đã chính thức nhận lời gấn bó kết hôn với ng- ời đó, thì từ đây cô không đ- ợc đi chơi, nhất là có quan hệ tình cảm, với bất cứ chàng trai nào khác. Nếu vi phạm, không chỉ bản thân cô bị dân làng chê c- ời mà bố mẹ cô cũng bị dân làng chê trách không biết dạy con. Trong những tr- ờng hợp nh- vậy, nhà trai th- ờng quyết định huỷ hôn; còn cô gái cũng sẽ rất khó lấy chồng. Tuy nhiên, cũng có nơi lễ dạm này mới chỉ là đính - ớc ban đầu để nhà trai

có thể đi lại th-ờng xuyên hơn với bên nhà gái, để tỏ tình thân mật và bàn tính đến lễ ăn hỏi sau này (Bùi Xuân Mỹ, 2001, tr. 43).

### 3.2. Lễ ăn hỏi

Ông mới về báo cáo lại kết quả và những nội dung đã thảo luận với nhà gái trong buổi lễ dạm hỏi cho bố mẹ chàng trai biết. Căn cứ vào đó, nhà trai chuẩn bị các điều kiện vật chất và tự chọn ngày lành tháng tốt để tiến hành lễ ăn hỏi.

Trong lễ ăn hỏi hay còn gọi là lễ “b- ng cau”, đoàn nhà trai chỉ có ông mới và ng-ời đại diện. Tr-ớc khi xuất phát, các gia đình th-ờng làm mâm cơm cúng tổ tiên để cầu xin cho lễ ăn hỏi đ-ợc thuận lợi và gặp nhiều may mắn. Theo phong tục tr-ớc đây, trong lễ ăn hỏi, nhà gái không tổ chức ăn uống. Phía nhà trai, chuẩn bị một vài mâm cơm mời anh em trong họ tộc tham dự chia vui cùng gia đình. Họ chờ đoàn nhà trai đến nhà gái làm lễ ăn hỏi trở về sẽ cùng ăn uống liên hoan. Ngày nay, tục này hầu nh- không còn nữa, đoàn nhà trai đến nhà gái làm lễ ăn hỏi th-ờng tranh thủ đi vào buổi sáng, khoảng 6 giờ, vừa để tránh không gặp ai trên đ-ờng. Theo quan niệm của ng-ời Việt (Kinh) nơi đây, nếu gặp đ-ợc ng-ời nào nặng vía thì đi công việc sẽ không gặp may và vừa kịp trở về đi làm buổi sáng. Ng-ợc lại, nhà gái lại làm vài mâm cơm mời các cụ già trong làng, họ hàng, bạn bè thân thiết đến ăn cỗ, chia vui cùng gia đình.

Theo tục lệ x- a, đồ lễ trong đám ăn hỏi th-ờng có 1 buồng cau gồm 300 - 400 quả đủ để nhà gái chia cho anh em, họ hàng và làng xóm, 1 cây thuốc, 5 lạng chè khô, 1 đấu gạo nếp, 1 con gà (nếu nhà gái đồng ng-ời thì nhà trai phải nộp 3 đấu gạo nếp và 3 con gà), và khoảng từ 10 đến 20 lít r-ợu. □ các vùng quê khác của ng-ời Việt (Kinh) thì mọi việc đ-ợc tiến hành giản dị hơn, chỉ cần một

hoặc hai chai r-ợu, cau trầu đủ để biếu, mỗi phần ba quả, ít thì biếu một quả, tùy từng gia đình. Còn với những nhà giàu, lễ ăn hỏi còn có bánh ch- ng, bánh dày, nem, trà, cau (Bùi Xuân Mỹ, 2001, tr. 44). Tr-ớc kia, sau lễ ăn hỏi, nhà gái th-ờng chia trầu cho họ hàng, làng xóm và bạn bè thân. Mỗi lễ gồm có một lá trầu, một quả cau, một ấm trà, nhiều nơi có thêm chục hạt mít sen. Ngày nay, tục lệ chia cau ở Bạch Trữ không còn nữa, nên số l-ợng cau nhà trai đ- a sang nhà gái đã giảm đi rất nhiều so với tr-ớc đây.

Trong lễ ăn hỏi, một trong những nội dung quan trọng là ng-ời đại diện cho nhà trai ngỏ ý muốn biết nhà gái yêu cầu lễ vật thách c-ới gồm những gì để gia đình lo liệu. Tr-ớc kia, cũng có một số tr-ờng hợp đặc biệt, gia đình nhà gái căn cứ vào số ng-ời trong họ tộc nhà mình để thách c-ới nhiều hay ít. Tuy nhiên, số này không nhiều, bởi theo quy định x- a của làng “*con nhà, giá làng*”. Nghĩa là dù nhà giàu hay nghèo, đông hay ít anh em, nh- ng lễ vật thách c-ới đều phải nh- nhau theo quy định chung của làng để các gia đình không phải ganh đua. Vì thế, khi nhà trai đặt vấn đề về lễ vật thách c-ới, nhà gái cũng chỉ nói xin cành cau, nghĩa là theo quy định chung của làng.

Lễ vật thách c-ới theo quy định chung của làng gồm từ 40 đến 100 kg thịt lợn, 1 nôi gạo<sup>1</sup>, 10 đến 20 lít r-ợu để nhà gái làm cỗ c-ới. Khoảng 30 đến 50 quả cau (gia đình nào cẩn thận thì chọn cành cau đủ 75 quả) và trầu, 1 cây thuốc lá, 1 kg chè khô... để nhà gái mời khách uống n-ớc, hút thuốc. Tuy nhiên, nếu phía nhà trai có điều kiện sẽ cố gắng chuẩn bị đồ sính lễ nhiều hơn quy định chung để nhà gái có thể tổ chức lễ c-ới tốt

<sup>1</sup> *Nôi gạo*: Đơn vị đo l-ờng của ng-ời Việt (Kinh) ở đồng bằng Bắc Bộ, có trọng l-ợng khoảng 22 kg. D-ới đơn vị *nôi* là *đấu* (hoặc *ca*). Tùy theo dung l-ợng của đấu mà mỗi nôi gạo có từ 14 đến 16 đấu.

đẹp. Chẳng hạn, những nhà trai có kinh tế khá giả biết bên nhà gái đông ng-ời lại khó khăn, nên đã tự mang sang nhiều hơn số quy định, để nhà gái đủ thực phẩm khoản đãi họ hàng và làng xóm. Theo thông lệ, tr-ớc ngày c-ới một ngày, nhà trai cử ng-ời đ-à sang nhà gái số lễ vật trên. Khi nhà trai mang lễ vật đến, bố cô gái là ng-ời đứng ra nhận, đặt lên bàn thờ và thấp h-ong cúng gia tiên.

Ngoài số lễ vật trên, phía nhà trai còn phải chuẩn bị một khoản tiền để cô dâu t-ong lai mua sắm quần áo mới, chăn màn, đồ dùng cá nhân. Số tiền này tùy theo điều kiện nhà trai và do nhà gái yêu cầu, không theo quy định chung của làng. Thời phong kiến, những gia đình khá giả, tiền thách c-ới khoảng 20 đến 30 đồng, còn những gia đình nghèo chỉ cần từ 3 đến 10 đồng; sau này tăng dần lên 300 đến 500 đồng (t-ong đ-ong với 2 chỉ vàng). Đến năm 2006, số tiền này trung bình là 3 triệu, kèm theo 3 đến 5 lễ; mỗi lễ trị giá 50 ngàn đồng. Tuy nhiên, tùy vào điều kiện kinh tế, nhà trai không nhất thiết phải đ-à số tiền này đúng ngày ăn hỏi, mà có thể đ-à sau, nh-ng phải tr-ớc lễ c-ới 10 ngày để nhà gái có thời gian mua sắm.

Có tr-ờng hợp, sau khi tổ chức lễ ăn hỏi, nh-ng nhà trai không chuẩn bị đ-ợc lễ vật và tiền dẫn c-ới nên phải xin huỷ bỏ hôn lễ. Tuy nhiên, những tr-ờng hợp phải huỷ hôn nh- vậy rất hiếm xảy ra, vì những gia đình nghèo vẫn phải cố vay m-ợn hay nhờ anh em, họ hàng giúp đỡ để lo c-ới vợ cho con trai.

Theo phong tục x-a, thời gian từ lễ ăn hỏi đến khi tổ chức đám c-ới sớm là 1 năm, muộn lên tới 3 hoặc 4 năm để nhà trai chuẩn bị đồ dẫn c-ới. Hiện nay, thời gian từ lễ ăn hỏi đến lễ c-ới đã rút ngắn nhiều so với tr-ớc kia. Đa số chỉ trong vòng 1 tháng, chậm cũng chỉ đến 3 tháng. Trong quãng thời gian từ lúc dạm ngõ đến khi c-ới, cha mẹ hai bên nhà trai và nhà gái vẫn không qua lại thăm

hỏi nhau, nhất là nhờ vả kinh tế vì sợ bị đánh giá là lợi dụng và bị coi th-ờng là nghèo khó. Có vấn đề gì cần trao đổi, họ đều thông qua ông mối để báo cho nhau biết. Sau khi con cái họ đã nên vợ nên chồng, hai bên thông gia mới qua lại thăm hỏi nhau và có lời nhờ vả chỉ bảo, dạy dỗ con cái nên ng-ời.

Theo phong tục của làng từ x-a đến nay, sau ngày ăn hỏi, ng-ời con trai coi nh- đã là con rể của gia đình. Anh ta có nghĩa vụ tham gia giúp đỡ nhà gái những công việc nặng nhọc, nhất là không thể thiếu việc biếu quà cho bố mẹ cô gái trong những dịp lễ, tết hàng năm. Chẳng hạn, trong dịp năm mới, lễ vật mang đến nhà bố mẹ vợ t-ong lai là 2 gói mứt cúng gia tiên để cầu mong họ phù hộ cho con cháu gặp nhiều may mắn trong cuộc sống. Còn các ngày lễ khác nh- : ngày rằm tháng giêng, ngày mùng 3 tháng 3, mùng 5 tháng 5... nếu gia đình con rể t-ong lai có điều kiện sẽ mang biếu bố mẹ cô gái một con gà trống hiến, chai r-ợu... tùy hoàn cảnh của từng gia đình.

### 3.3. Lễ c-ới

Làng Bạch Trữ có tục mời dự đám c-ới, nếu cùng làng thì không cần phải dùng thiệp c-ới và cũng không phải vào tận nhà, mà chỉ cần đến gọi cổng, nếu có ng-ời ra tiếp thì chỉ cần nói vài lời và đ-à biếu gia đình 1 quả cau và 1 lá trầu, rồi tiếp tục đi mời nhà khác. Tr-ờng hợp cha mẹ cả hai bên cùng tham gia trong một hội đoàn hay tổ chức nào đó, họ chỉ cần thông báo cho ng-ời đứng đầu tổ chức, và ng-ời này sẽ có trách nhiệm đi mời giúp gia chủ. Thiếp mời chỉ đ-ợc gửi tới bạn bè của chú rể, hay những ng-ời thân quen khác làng.

Tr-ớc kia, ng-ời dân làng Bạch Trữ th-ờng có tục lệ nhờ thầy đồ nho chọn giờ lành ngày tốt để tổ chức đám c-ới, nhất là giờ đón và đ-à dâu. Thông th-ờng, thầy sẽ chọn cho gia chủ 2 hoặc 3 ngày tốt trong

khoảng thời gian gần nhau. Sau đó, nhà trai báo cho nhà gái biết để chọn lựa. Nếu ngày đ-ợc coi là đẹp nhất bị trùng với ngày huỷ kỵ của nhà gái, thì chọn ngày đẹp khác mà không phải mất công xem lần nữa.

Tr-ớc kia, mùa c-ới th-ờng khoảng từ tháng 9 đến tháng 10 âm lịch, bởi cũng nh- các vùng quê khác ở Việt Nam, đây là những ngày mới thu hoạch xong đang nông nhàn, nh-ng quan trọng hơn là trong nhà có thóc gạo, trong chuồng có lợn, gà, và ngoài v-òn có “cây rau, ngọn cỏ”. Hiện nay, đám c-ới th-ờng đ-ợc tổ chức vào khoảng từ tháng 10 đến tháng giêng năm sau. Tuy nhiên, những đám c-ới ra giêng sau tết ngày càng nhiều hơn, bởi trong năm phần lớn thanh niên còn đang đi làm ăn xa, tr-ớc tết Nguyên Đán trở về làng thăm gia đình, sau tết họ lại đi. Do đó, đây là thời điểm tổ chức đám c-ới hợp lý nhất trong năm. Thậm chí nhiều đôi lứa vừa kết hợp tìm hiểu và tổ chức đám c-ới trong quãng thời gian ngắn ngủi này.

Đám c-ới ở làng Bạch Trữ th-ờng diễn ra trong 2 ngày. Ngày đầu dựng rạp, anh em họ hàng thân thích họp bàn phân công công việc và giúp đỡ nhau về vật chất; gia đình chuẩn bị l-ong thực, thực phẩm để nấu cỗ c-ới. Ngày thứ hai chủ yếu thực hiện các nghi lễ chính thức và tổ chức ăn cỗ liên hoan.

Tr-ớc đây, trang phục của cô dâu làng Bạch Trữ khi về nhà chồng gồm áo, yếm đào và váy. Váy đ-ợc may bằng vải phin nhuộm nâu và chiếc áo chằm (áo bông) ngắn tay để mặc trong mùa đông. Những gia đình khá giả, bố mẹ cô dâu còn sắm thêm cho con gái chiếc váy bằng vải chôi, áo chằm bằng vải láng cây dừa và chiếc chăn bông dạ. Ngoài ra, cô có thể đ-ợc bố mẹ cho một số đồ trang sức bằng bạc hay vàng tùy vào điều kiện của gia đình.

Theo tục lệ, khi một gia đình dựng vợ gả chồng cho con, các anh chị em ruột của

bố mẹ cô dâu hay chú rể giúp vài gánh gạo để làm cơm đãi khách. Những nhà nào đã tổ chức đám c-ới cho con tr-ớc thì đây là dịp để trả lễ. Tuy nhiên, nh- một quy định bắt buộc, bố mẹ của chàng trai và cô gái phải đến tận nhà các anh chị em của mình để có lời nhờ giúp đỡ, nếu không sẽ làm mất lòng họ hàng và nhận đ-ợc những lời chê trách. Trong buổi sáng ngày dựng rạp đám c-ới, anh em ruột thịt gánh gạo sang giúp, ít nhất cũng phải 1 *nôi*. Cũng trong buổi sáng hôm đó, những ng-ời họ hàng xa và làng xóm mang đến giúp gia đình ng-ời ít rau, ng-ời ít thịt lợn hay ít gạo, và cử ng-ời giúp gia chủ dựng rạp, kê bàn ghế hay nấu n-óng. Gia đình phải cử ng-ời ghi lại số l-ợng l-ong thực thực phẩm mà các gia đình trong họ và láng giềng giúp đỡ để sau này trả nợ. Hiện nay, do đời sống đã khá hơn, hầu hết các gia đình trong làng đều đã đủ cơm ăn áo mặc, l-ong thực thực phẩm chuẩn bị cho lễ c-ới cũng không còn là gánh nặng và khó khăn nh- tr-ớc, nên hiện nay anh em họ tộc cũng nh- bạn bè và hàng xóm chủ yếu giúp và mừng gia chủ bằng tiền.

Tiệc c-ới chính thức của cả hai bên th-ờng diễn ra vào khoảng 4 đến 5 giờ chiều, để họ hàng hai bên nội ngoại, bạn bè và làng xóm có thể thu xếp thời gian tham dự đông đủ. Tr-ớc kia, mâm cỗ c-ới ở làng Bạch Trữ chỉ 4 ng-ời ngồi. Mỗi mâm có một đĩa thịt lợn quay, một đĩa thịt luộc, một đĩa xôi. Mỗi đĩa thịt có 4 miếng thái to bằng nửa bàn tay. Sau tiệc c-ới, khoảng 6 đến 7 giờ tối nhà trai tiến hành đi đón dâu. Tr-ớc khi xuất phát, nhà trai chỉ cần thắp h-ong trên bàn thờ gia tiên để báo cáo tổ tiên, không cúng cơm mặn nh- ở nhiều làng Việt khác. Hiện nay, giờ đi đón dâu đã thay đổi, th-ờng là sau khi ăn cỗ xong, vào khoảng 1 giờ tr-a trở đi, tùy vào tuổi của cô dâu mà nhà trai chọn giờ đón dâu cho thích hợp.

Thành phần đi đón dâu, ngoài chú rể còn có các thành phần quan trọng đại diện cho nội ngoại nhà trai gồm ông bà nội và bà ngoại, ông mối, một số ng-ời là anh em nội tộc và bạn bè thân thiết của chú rể. Lễ vật nhà trai mang theo để xin dâu gồm vài quả cau, mấy lá trầu, 5 bao thuốc lá và 1 lạng chè khô. Khi đến nơi, nhà gái đã cử một số ng-ời cao tuổi trong gia đình và trong họ đứng đón, nhận lễ vật đặt lên bàn thờ gia tiên làm lễ. Tiếp đó, đại diện nhà trai có lời th- a chuyện với các cụ bên nhà gái và đại diện nhà gái cũng có lời đáp lễ. Mục đích chủ yếu của cuộc trò chuyện là để hai bên gia đình trao dâu, trao rể cho nhau và có lời căn dặn con cháu khi đi làm dâu, làm rể cũng nh- nhờ phía thông gia tiếp tục chăm sóc, dạy dỗ con cái.

Đợi khi các cụ nhà gái cho phép, chú rể mới đ- ọc vào buồng đón cô dâu. Khi chú rể đến cửa buồng cô dâu, mẹ cô là ng-ời ra đón và lì xì cho chú rể một phong bao màu đỏ. Chú rể đón cô dâu ra khỏi buồng và quỳ tr- ớc bàn thờ gia tiên làm lễ. Ông chú hay ông bác của cô gái châm h- ong đ- a cho mỗi ng-ời một nén, đôi vợ chồng trẻ cùng nhau cầu khẩn tổ tiên phù hộ cho họ đ- ọc hạnh phúc đến “đâu bạc răng long”.

Khi mọi thủ tục bên nhà gái đã hoàn tất, đại diện nhà trai xin phép đ- ọc đón cô dâu về nhà chồng. Nhà gái cử một đoàn đại diện đ- a dâu, số ng-ời tùy thuộc vào họ hàng và bạn bè nhà gái đông hay không. Nếu đông thì có 11 ng-ời và ít là 9 ng-ời. Theo quan niệm x- a, nếu đoàn đ- a dâu có 10 ng-ời và cô dâu nữa là 11 thì nhà trai sẽ chuẩn bị sẵn cho đoàn nhà gái 4 mâm cỗ, nếu nhà gái có 9 ng-ời, kể cả cô dâu thì nhà trai chuẩn bị sẵn cho nhà gái 3 mâm cỗ. Trong đó có 1 mâm dành cho các cụ già thì cô dâu đ- ọc ngồi cùng với các cụ, còn 2 mâm dành làm quà cho bạn của cô dâu.

Không giống phong tục của ng-ời Việt (Kinh) ở một số vùng quê khác, khi con gái đi lấy chồng có bố đẻ đ- a về nhà chồng và bố chồng đi đón con dâu; ở làng Bạch Trữ, trong đám c- ới bố mẹ đẻ không đ- ọc đ- a con gái về nhà chồng và bố mẹ chồng cũng không đ- ọc phép đến đón dâu. Thậm chí, khi đôi trẻ đã là vợ chồng thì hai bên thông gia cũng hiếm khi chủ động qua lại thăm nhau, trừ những ngày giỗ chạp của thông gia. Do đó, khi đ- a dâu về nhà chồng, nhà gái cũng chỉ có ông bà nội, bà ngoại, cùng anh em ruột của cô dâu, nếu có thể thì là các bà cô, bà dì và một số ng-ời bạn gái thân của cô dâu cùng đi.

Giờ đ- a dâu về nhà chồng th- ờng đ- ọc chọn đúng giờ hoàng đạo. Thông th- ờng cô dâu về đến nhà chồng đã muộn, khoảng 8 - 9 giờ tối. Về đến nơi, cô dâu và chú rể phải ngồi ngoài sân đợi các cụ hai họ vào nhà nói chuyện, xong mới đ- ọc vào nhà làm lễ trình báo tổ tiên. Vào lễ, ông tr- ởng họ hoặc ông chú (ông bác) của chú rể sẽ là ng-ời chủ hôn, ông bỏ đôi quả cau to đặt vào đĩa để lên ban thờ, rồi mời đôi vợ chồng trẻ vào hành lễ tr- ớc bàn thờ gia tiên. Khi làm lễ, ông chủ hôn ngồi khán phía trên, cô dâu chú rể quỳ phía d- ới. □ng cầu xin tổ tiên chứng giám lễ thành hôn và phù hộ cho đôi trẻ đ- ọc “bách niên giai lão”, đôi vợ chồng trẻ quỳ vái lạy tổ tiên 4 lần. Hiện nay, cô dâu chú rể chỉ cần đứng làm lễ chứ không phải quỳ nh- tr- ớc nữa. Hành lễ xong, ông chủ hôn đ- a cho cô dâu, chú rể mỗi ng-ời một nửa quả cau để ăn. Nếu ng-ời nào không ăn đ- ọc cũng phải nhai dập ra mới đ- ọc thôi, nếu không nhai đ- ọc nh- vậy, cuộc sống của đôi vợ chồng về sau sẽ thiếu hạnh phúc, cũng có khi phải bỏ nhau.

Lễ gia tiên ở nhà trai xong, một bà đại diện nhà trai dẫn cô dâu mới đi mời trầu, mời thuốc và giới thiệu với các cụ bên nhà trai. Khi cô dâu mời đến bố chồng sẽ đ- ọc ông

mừng cho 1 đồng (nay là phong bì 50 nghìn đồng), còn các bà bên nhà chồng mỗi ng-ời mừng cho cô dâu 5 hào (nay là 1 phong bì 5 nghìn đồng) và một dải yếm tơ hồng<sup>2</sup> để cô may áo mặc. Cô nào đ-ợc tặng nhiều dùng không hết thì để dành cho con cháu sau này.

Khi các nghi lễ trên kết thúc, các cụ hai bên ngồi trong nhà vừa ăn trâu, uống n-ớc và trò chuyện, vừa hát đối đáp ca ngợi công lao của ng-ời làm mai mối, ca ngợi vợ chồng trẻ đẹp đôi, và chúc đôi vợ chồng trẻ trăm năm hạnh phúc. Ngoài sân, thanh niên tổ chức văn nghệ, thơ ca rôm rả cho những ng-ời hàng xóm và bạn bè của cô dâu, chú rể cùng vui. Cuộc vui kéo dài đến hơn 10 giờ thì kết thúc. Quan khách ra về, chỉ còn lại đoàn nhà gái đ-a dâu đ-ợc mời ở lại dùng bữa cơm do nhà trai thiết đãi. Khi nhà gái ra về, nhà trai gói các đĩa thịt trong mâm dành cho các bạn của cô dâu thành 4 phần bằng nhau mang về. Đến nay, mâm cỗ th-ờng chuẩn bị cho 5 ng-ời, tục chia phần cho bạn của cô dâu cũng không còn nữa.

Trong lễ c-ới, cô dâu ch-a mang về nhà chồng bất kỳ t- trang và đồ dùng cá nhân nào kể cả quần áo. Bởi theo phong tục, ngay sau lễ c-ới kết thúc cô dâu sẽ trở về nhà bố mẹ để một thời gian từ 5 đến 7 tháng, thậm chí 2 đến 3 năm rồi mới về ở hẳn nhà chồng. Khi đó, cô mới đem theo những t- trang và đồ dùng cá nhân. Khi đoàn đ-a dâu ra về, cô dâu cũng theo đoàn quay về nhà bố mẹ đẻ. Trong thời gian cô sống ở nhà bố mẹ đẻ, nếu nhà có việc thì chàng rể phải đến làm giúp. Tr-ớc ngày chính thức về nhà chồng, bố mẹ cô gái phải có lời th-a tr-ớc với ông bà thông gia. Đ-ợc sự đồng ý, bố mẹ cô nhờ một bà bên nội hoặc bên ngoại đ-a con gái về nhà chồng. Ng-ời đàn bà đ-ợc lựa chọn phải có các điều kiện sau: cả hai vợ chồng đều đang khỏe mạnh, ăn ở phúc đức đ-ợc

làng xóm quý mến, có một gia đình đê huê đông con nhiều cháu cả trai lẫn gái. Khi về nhà chồng, cô dâu mang theo chăn, màn, quần áo và t- trang; còn bà đ-a cấp đôi chiếu đi cùng. Về đến nhà chồng, bà phải có lời hỏi bố mẹ chồng xem đôi vợ chồng trẻ ngủ ở buồng nào. Bố mẹ chồng sẽ cho biết và nói “*thế cụ vào trái cho đây năm mẹ đây tháng con*”, thì bà mới vào trái chiếu lên gi-ờng đôi vợ trẻ, với hàm ý đôi vợ chồng này sẽ đ-ợc h-ởng phúc đức nh- gia đình nhà bà. Kể từ lúc này, đôi vợ chồng trẻ mới đ-ợc phép ngủ với nhau. Nh- ng cũng theo phong tục của làng Bạch Trữ, mặc dù đã về ở và tham gia lao động cho nhà chồng, nh- ng cứ đến bữa cô lại về nhà bố mẹ để ăn, tối tắm giặt xong mới về nhà chồng ngủ. Cô cứ đi lại giữa hai nhà nh- thế cho đến khi cảm thấy quen nhà chồng thì thôi. Thời gian này có thể chỉ từ 1 đến 2 tháng, nh- ng cũng có khi phải đến 3 hay 4 tháng. Vì lẽ đó, từ x-a làng Bạch Trữ vẫn có tiếng là làng “c- ới chịu”.

Hiện nay, cô dâu đã về ở luôn bên nhà chồng ngay sau đám c-ới, các t- trang và đồ dùng cá nhân của cô đã chuẩn bị sẵn và đ-ợc bạn bè đem đến nhà trai tr-ớc ngày c-ới. Vì thế, các tục lệ gửi dâu, bà cụ già cấp chiếu đ-a cô dâu về nhà chồng để trải chiếu cho đôi vợ chồng trẻ với hy vọng họ sẽ nhanh chóng có con đàn cháu đống cũng không còn nữa.

Tr-ớc khi dỡ rạp kết thúc lễ c-ới, gia đình nhà trai làm cơm cúng tạ ơn tổ tiên và trời đất. Mâm cơm cúng trời đất đ-ợc đặt ở ngoài sân, gồm 10 bát cháo, 1 đĩa gạo, 1 bát cơm, 1 đĩa thịt, 1 bát canh và ít tiền lẻ. Mâm cơm cúng tổ tiên đ-ợc đặt trên bàn thờ gia tiên, có thịt gà hoặc đĩa thịt lợn và bát canh nóng. Những đồ cúng cho trời đất và tổ tiên phải là thức ăn mới nấu, không đ-ợc dùng lại đồ ăn thức uống còn thừa.

Tr-ớc đây trong đám c-ới, ng-ời làng Bạch Trữ không có tục lệ mừng tiền cho nhà gái mà chỉ mừng cho nhà trai. Vì vậy, ngay sau

<sup>2</sup> Dải yếm tơ hồng to bằng 1 vương vãi, dùng để may áo yếm.

lễ c-ới, nhà trai kiểm tiền mừng đám c-ới và phân thành hai loại: Tiền mừng của những vị khách là nữ bên phía nhà trai thì bố mẹ chồng sẽ nhờ ông mới đ-a sang cho bố mẹ cô dâu, còn tiền mừng của nhóm khách nam thì bố mẹ chồng giữ lại. Nếu bên nhà cô dâu có điều kiện kinh tế khá giả, thì số tiền này sẽ dành cho cô dâu để làm vốn. Những gia đình túng thiếu, bố mẹ cô sẽ vay lại số tiền mừng này để trang trải các công việc nợ nần, nếu sau này bố mẹ có điều kiện sẽ trả lại con gái. Trong tr-ờng hợp bố mẹ không có điều kiện thì con gái cũng không đòi lại số tiền đó. Hiện nay, khách đến ăn cỗ nhà nào thì đều mừng tiền cho nhà đó, nên nhà trai không còn tục đ-a lại tiền mừng cho nhà gái nữa.

### Kết luận

Trong khoảng 10 năm trở lại đây, đời sống văn hóa của ng-ời dân làng Bạch Trữ đã có nhiều biến đổi. Trong đó, một số nét văn hoá truyền thống trong nghi lễ c-ới xin vẫn đ-ợc duy trì và phát huy, nh- : tục gọi cổng mời ăn cỗ c-ới, đi ăn hỏi vào buổi sáng để tiết kiệm thời gian... Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn những hủ tục không dễ gì xóa bỏ trong tâm thức và đời sống của ng-ời dân nơi đây, chẳng hạn: tr-ớc kia th-ờng tổ chức ăn uống từ 2 đến 3 ngày, nay chỉ gói gọn trong 1 ngày. Bên cạnh đó, cũng đang phát sinh thêm nhiều tập tục mới nh- : Các gia đình dù nghèo hay khá giả cũng phải cố gắng lo liệu tổ chức đám c-ới cho con cái đ-ợc bằng anh bằng em kéo bị làng xóm chê c-ời. Do đó, ngoài tổ chức ăn uống linh đình tốn kém, còn phải thuê loa đài, phòng màn, quần áo c-ới cho cô dâu chú rể, xe hơi đón dâu, quay phim chụp ảnh làm kỷ niệm... khiến nhiều gia đình và các cặp tân hôn rơi vào cảnh nghèo túng, nợ nần sau khi kết hôn.

Qua sự biến đổi trên chúng tỏ rằng mỗi giai đoạn khác nhau, nghi lễ hôn nhân cũng có sự thay đổi, mặc dù sự thay đổi không nhiều. Đó là việc thay đổi trong tổ chức ăn uống, trang phục c-ới của cô dâu chú rể, quay phim,

chụp ảnh và cả đến những lời hát đối của các bà mối hai bên gia đình. Những thay đổi này ở mỗi giai đoạn đều gắn với điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội cụ thể. Tuy nhiên, dù ở giai đoạn nào đi chăng nữa, các hình thức trong nghi lễ c-ới xin của ng-ời Việt (Kinh) làng Bạch Trữ vẫn không thể thiếu các b-ớc cơ bản nh- : lễ dạm ngõ, lễ ăn hỏi, lễ c-ới và lễ lại mặt.

### Tài liệu tham khảo

1. Toan □nh (1992), *Nếp cũ: con ng□ời Việt Nam*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
2. Phan Kế Bính (1990), *Việt Nam phong tục*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Thị Ph-ong Châm (2006), *Nghi lễ hôn nhân của ng□ời Kinh ở Trung Quốc (Tr□ờng hợp làng Vạn Vĩ, Giang Bình, Đông H□ng, Quảng Tây, Trung Quốc)*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Hà Văn Cầu (1992), *Phong tục c□ới gả Việt Nam*, Nxb Hội Nhà văn, Hà Nội.
5. Diệp Đình Hoa (Chủ biên) (2000), *Ng□ời Việt ở đồng bằng Bắc Bộ*, Hà Nội.
6. Bùi Xuân Mỹ (2001), *Lễ tục trong gia đình Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
7. Bùi Xuân Mỹ, Phạm Minh Thảo (2006), *Tục c□ới hỏi ở Việt Nam*, Nxb Văn hoá thông tin, Hà Nội.
8. Phạm Côn Sơn (2003), *Nghi lễ c□ới hỏi, tang chế Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Nhất Thanh (Vũ Văn Khiếu) (2001), *Đất lề quê thói (phong tục Việt Nam)*, tái bản lần thứ 2, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
10. Phạm Minh Thảo (2000), *Lễ tục vòng đời*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
11. Lê Trung Vũ (Chủ biên) (2000), *Nghi lễ vòng đời ng□ời*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.